TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2026/DS-ST
Ngày: 16-3-2026.
V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Bà Mai Thị Tám

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Tâm -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Ngày 16/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (Số G, tỉnh lộ 8, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 880/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 105/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ Trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM); Địa chỉ trụ sở: Số E, đường B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Ngọc H, Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thái A; Chức vụ: Trưởng chi nhánh C1 (Giấy uỷ quyền số 93/CMM-GUQ ngày 08/05/2025);

Địa chỉ liên lạc: Số A, đường số C, khu phố G, thị trấn C, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Văn Thu T, sinh năm: 1988, CCCD số 079188019278, cấp ngày 21/5/2020, tại Cục C2 về TTXH; Đăng ký thường trú: Khu phố E, thị trấn C, huyện C, (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Số H, quốc lộ B, tổ A, ấp C, xã T, huyện C, (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Ký Tân T1, sinh năm 1988; CCCD số 079088005342, cấp ngày 27/02/2017, tại Cục C2 về TTXH; Đăng ký thường trú: Khu phố E, thị trấn C, huyện C, (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Số H, quốc lộ B, tổ A, ấp C, xã T, huyện C, (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện nộp ngày 07/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh C1 đã ký hợp đồng liên kết số 012/22/LK-CC ngày 27/6/2022 với bà Nguyễn Thị S để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh C1. Bà Nguyễn Thị S – là người đại diện cho Tổ hợp tác Kinh doanh, Dịch vụ, Nông nghiệp số 13, xã T, C ký Hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh C1. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác Kinh doanh, Dịch vụ, Nông nghiệp số 01 xã P, C để chăn nuôi, sản xuất – kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ,… theo sự giới thiệu và đề nghị của C liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này, Quỹ trợ vốn CCM – Chi nhánh C1 đã tiến hành trợ vốn cho 5 thành viên vào ngày 15/6/2023 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: Góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0.65%/tháng, phí CLN: 0,15%/tháng, tiết kiệm bắt buộc là: 1.00%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ trợ vốn và Q trợ vốn CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 15/6/2023, bà Văn Thu T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 90.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà Văn Thu T phải hoàn trả là: 9.180.000 đồng trong 11 kỳ đầu, 1 kỳ cuối góp 8.460.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 15/6/2024. Thế nhưng bà T không góp đúng theo kế hoạch ban đầu.

Đến ngày 16/3/2026, bà T đã góp được tổng số tiền 41.720.000 đồng (vốn: 34.840.000 đồng + lãi: 2.740.000 đồng + phí CLN: 540.000 đồng + tiết kiệm 3.600.000 đồng). Số tiền còn phải trả đến nay là 60.520.000 đồng (vốn: 55.160.000 đồng + lãi: 4.280.000 đồng + phí CLN: 1.080.000 đồng). Tiết kiệm đã cấn trừ nợ là 10.800.000 đồng (tiết kiệm các lần trước là 7.200.000 đồng + tiết kiệm lần vay này là 3.600.000 đồng) + vốn góp cấn trừ là 500.000 đồng. Còn lại là 49.220.000 đồng, số tiền yêu cầu này có giảm 500.000 đồng so với đơn khởi kiện ban đầu ngày 07/5/2025 (do cấn trừ thêm 500.000 đồng vốn góp).

Tổng số tiền bà T còn nợ đến ngày 16/03/2026 là 49.220.000 đồng (bao gồm nợ vốn: 43.860.000 đồng; nợ lãi: 4.280.000 đồng; nợ phí Cấp liên nhiệm: 1.080.000 đồng). Đã nhiều lần, Quỹ CCM liên hệ bà T để giải quyết nợ nhưng bà T cố tình lẩn tránh và không có thiện chí trả nợ cho Quỹ CCM.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông bà T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại tính đến ngày 16/3/2026 là 49.220.000 đồng (bao gồm nợ vốn: 43.860.000 đồng; nợ lãi: 4.280.000 đồng; nợ phí Cấp liên nhiệm: 1.080.000 đồng) và tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh cho đến đến thời điểm bà T thanh toán nợ. Nếu bà T không trả hoặc trả không đầy đủ thì ông Ký Tân T1 có trách nhiệm trả thay cho bà T các khoản nợ trên.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện, B tự khai, Giấy ủy quyền của nguyên đơn; Hồ sơ pháp lý của Quỹ trợ vốn Xã viên Hợp tác xã Thành phố H; Đơn xin trợ vốn, Đề nghị duyệt vốn, Hợp đồng liên kết, Danh sách đề nghị trợ vốn, Danh sách nhận trợ vốn, Căn cước công dân, (photo sao y) của bị đơn, người liên quan, Giấy đăng ký kết hôn.

Bị đơn bà Văn Thu T trong quá trình tố tụng trình bày: Bà thừa nhận có nợ quỹ CCM số tiền 49.720.000 đồng. Do bản thân bà đang bị bệnh viêm phổi, gia đình gặp nhiều khó khăn, nên bà xin nguyên đơn cho bà trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến hết nợ. Số tiền vay này hoàn toàn không liên quan gì đến chồng của bà. Bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trả. Do bà bị bệnh không thể đến tham dự phiên toà nên bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Các tài liệu chứng cứ mà bà T nguyên đơn cung cấp: Bản tự khai, Căn cước công dân.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ký Tân T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1. Ông T1 không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Văn Thu T trả số tiền nợ tổng cộng là 49.220.000 đồng (bao gồm nợ vốn: 43.860.000 đồng; nợ lãi: 4.280.000 đồng; nợ phí Cấp liên nhiệm: 1.080.000 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T có trách nhiệm trả lãi, phí phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Nếu bà T không có khả năng trả nợ thì ông Ký Tân T1 có trách nhiệm trả thay cho bà T2 các khoản nợ trên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 13/6/2023, bà Văn Thu T có ký đơn đề nghị trợ vốn để vay tiền trả góp từ phía Quỹ CCM số tiền 90.000.000 đồng, theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà T đã ký nhận đủ tiền vay theo Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 15/6/2023. Tính đến ngày 16/3/2026, bà T đã trả được cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 41.720.000 đồng. Số tiền còn phải trả đến ngày 16/3/2026 là 60.520.000 đồng; bà T được trừ số dư tiết kiệm và dư vốn góp các đợt và là 11.300.000 đồng; số tiền bà T còn nợ tổng cộng là 49.220.000 đồng (bao gồm nợ vốn: 43.860.000 đồng; nợ lãi: 4.280.000 đồng; nợ phí Cấp liên nhiệm: 1.080.000 đồng) là đúng. Cho đến nay, phía bà T chưa trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy, phía bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Quá trình tố tụng, phía bị đơn bà T thừa nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi như phía nguyên đơn yêu cầu là đúng. Tuy nhiện, hiện hoàn cảnh gia đình bà đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, tại phiên toà phía nguyên đơn không đồng ý theo phương án trả dần của bị đơn và cho rằng phía bị đơn có khả năng trả nợ nhưng không có thiện chí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T1 đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà các đương sự cung cấp và thừa nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Xét thấy, đến nay bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay tổng cộng là 49.220.000 đồng mà chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2] Xét thấy, tại Đơn xin trợ vốn ngày 13/6/2022 của bà Văn Thu T, ông Ký Tân T1 ký tên là người có nghĩa vụ trả thay nếu bà T không trả được nợ; việc ông T1 bão lãnh khoản nợ vay của bà T là phù hợp quy định pháp luật; do đó nguyên đơn yêu cầu nếu bà Văn Thu T không có khả năng trả nợ thì ông Ký Tân T1 có trách nhiệm trả thay cho bà T toàn bộ khoản nợ trên là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp; cần buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 49.220.000 đồng (bao gồm nợ vốn: 43.860.000 đồng; nợ lãi: 4.280.000 đồng; nợ phí Cấp liên nhiệm: 1.080.000 đồng).

[2.4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM) về việc yêu cầu bà Văn Thu T trả số nợ tổng cộng là 49.220.000 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc bà Văn Thu T có trách nhiệm trả cho Q trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM) số tiền là 49.220.000 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó gồm: Vốn là 43.860.000 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi là 4.280.000 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và phí Cấp liên nhiệm là 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ CCM cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ CCM theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ CCM.

Trong trường hợp bà T không thực hiện, thực hiện không đúng và không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ trên thì buộc ông Ký Tân T1 phải có trách nhiệm thanh toán thay cho bà T toàn bộ số tiền trên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí DSST là 2.461.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) buộc bà Văn Thu T phải nộp.

Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM) số tiền tạm ứng án phí là 1.243.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng)

theo biên lai thu tiền số 0034165 ngày 03/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền bản án kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan